

## **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

Trong tuần 18, sáu tiết đầu được dành cho việc ôn tập và kiểm tra miệng, hai tiết cuối dành cho kiểm tra viết.

Mỗi tiết ôn tập – kiểm tra miệng đều có yêu cầu kiểm tra khả năng đọc, HTL của HS, tiếp đó là một số bài luyện tập Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn. GV chú ý trong mỗi tiết, cần lấy điểm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng, HTL của khoảng 1/6 số HS trong lớp. Xem đó là 1 điểm đọc cuối HK I.

### **Tiết 1**

#### **I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL, kết hợp kiểm tra kĩ năng đọc – hiểu (HS trả lời được 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài đọc).

Yêu cầu về kĩ năng đọc thành tiếng : HS đọc trôi chảy các bài tập đọc đã học từ HKI, của lớp 4 (phát âm rõ, tốc độ đọc tối thiểu 120 chữ / phút ; biết ngừng nghỉ

sau các dấu câu, giữa các cụm từ, biết đọc diễn cảm thể hiện đúng nội dung văn bản nghệ thuật.

2. Hệ thống được một số điều cần ghi nhớ về nội dung, về nhân vật của các bài tập đọc là truyện kể thuộc 2 chủ điểm *Có chí thì nên* và *Tiếng sáo diều*.

## II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– Phiếu viết tên từng bài TĐ và HTL trong 17 tuần học sách *Tiếng Việt 4, tập một* (gồm cả văn bản thông thường) :

+ 15 phiếu. Trong đó : có 10 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài TĐ từ tuần 11 đến tuần 17 (*Ông Trạng thả diều, "Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi, Vẽ trứng, Người tìm đường lên các vì sao, Văn hay chữ tốt, Chú Đất Nung, Cánh diều tuổi thơ, Kéo co, Trong quán ăn "Ba cá bóng", Rất nhiều mặt trăng*). 5 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài TĐ thuộc các tuần từ tuần 4 đến tuần 9 (VD : *Một người chính trực, Nỗi dằn vặt của An-đrây-ca, Ở Vương quốc Tương Lai, Đôi giày ba ta màu xanh, Điều ước của vua Mi-đát*).

+ 7 phiếu – mỗi phiếu ghi tên 1 bài TĐ có yêu cầu HTL (*Mẹ ốm, Truyện cổ nước mình, Tre Việt Nam, Gà Trống và Cáo, Nếu chúng mình có phép lạ, Có chí thì nên, Tuổi Ngựa*).

– Một số tờ phiếu khổ to kẻ sẵn bảng ở BT2 để HS điền vào chỗ trống.

## III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

### 1. Giới thiệu bài

– GV giới thiệu nội dung học tập của tuần 18 : Ôn tập, củng cố kiến thức và kiểm tra kết quả học môn Tiếng Việt của HS trong 17 tuần học của HKI.

– Giới thiệu MĐ, YC của tiết ôn tập.

### 2. Kiểm tra TĐ và HTL (khoảng 1/6 số HS trong lớp)

GV căn cứ vào số HS trong lớp, phân phối thời gian hợp lí để mỗi HS đều có điểm. Cách kiểm tra như sau :

– Từng HS lên bốc thăm chọn bài (sau khi bốc thăm, được xem lại bài khoảng 1, 2 phút).

– HS đọc trong SGK (hoặc đọc thuộc lòng) 1 đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu.

– GV đặt 1 câu hỏi về đoạn vừa đọc, HS trả lời.

– GV cho điểm theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. HS nào đọc không đạt yêu cầu, GV cho các em về nhà luyện đọc để kiểm tra lại trong tiết học sau.

**3. Bài tập 2** (*Lập bảng tổng kết các bài tập đọc là truyện kể trong hai chủ điểm "Có chí thì nên" và "Tiếng sáo diều".*)

- Một HS đọc yêu cầu của bài. Cả lớp đọc thầm bài.
- GV nhắc các em lưu ý : chỉ ghi lại những điều cần nhớ về các bài tập đọc là truyện kể (có một chuỗi sự việc, liên quan đến một hay một số nhân vật, nói lên một điều có ý nghĩa).
- GV phát bút dạ và phiếu cho các nhóm (mỗi nhóm 4 HS). HS các nhóm đọc thầm các truyện kể trong 2 chủ điểm, điền nội dung vào bảng. Để tốc độ làm bài nhanh, nhóm trưởng có thể chia cho mỗi bạn đọc và viết về 2 truyện.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét theo các yêu cầu : nội dung ghi ở từng cột có chính xác không ? lời trình bày có rõ ràng, mạch lạc không ?
- HS điền cho hoàn chỉnh nội dung vào bảng tổng kết trong VBT (nếu có).

Tên bài	Tác giả	Nội dung chính	Nhân vật
<i>Ông Trọng thả diều</i>	Trình Đường	Nguyễn Hiền nhà nghèo mà hiếu học.	Nguyễn Hiền
<i>"Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi</i>	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam	Bạch Thái Bưởi từ tay trắng, nhờ chí đã làm nên nghiệp lớn.	Bạch Thái Bưởi
<i>Vẽ trứng</i>	Xuân Yển	Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi kiên trì khổ luyện đã trở thành danh hoạ vĩ đại.	Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi
<i>Người tìm đường lên các vì sao</i>	Lê Nguyên Long Phạm Ngọc Toàn	Xi-ôn-cốp-xki kiên trì theo đuổi ước mơ, đã tìm được đường lên các vì sao.	Xi-ôn-cốp-xki
<i>Văn hay chữ tốt</i>	Truyện đọc 1 (1995)	Cao Bá Quát kiên trì luyện viết chữ, đã nổi danh là người văn hay chữ tốt.	Cao Bá Quát
<i>Chú Đất Nung (phần 1-2)</i>	Nguyễn Kiên	Chú bé Đất dám nung mình trong lửa đã trở thành người mạnh mẽ, hữu ích. Còn hai người bột yếu ớt gặp nước suýt bị tan ra.	Chú Đất Nung
<i>Trong quán ăn "Ba cá bống"</i>	A-lếch-xây Tôn-xtôi	Bu-ra-ti-nô thông minh, mưu trí đã moi được bí mật về chiếc chìa khoá vàng từ hai kẻ độc ác.	Bu-ra-ti-nô
<i>Rất nhiều mặt trăng (phần 1 - 2)</i>	Phơ-bơ	Trẻ em nhìn thế giới, giải thích về thế giới rất khác người lớn.	Công chúa nhỏ

#### 4. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu về nhà tiếp tục luyện đọc.

## Tiết 2

### I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (Yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện kỹ năng đặt câu, kiểm tra sự hiểu biết của HS về nhân vật (trong các bài đọc) qua bài tập đặt câu nhận xét về nhân vật.
3. Ôn các thành ngữ, tục ngữ đã học qua bài thực hành chọn thành ngữ, tục ngữ hợp với tình huống đã cho.

### II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Một số tờ phiếu khổ to viết nội dung BT3.

### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**1. Giới thiệu bài :** GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.

**2. Kiểm tra TĐ và HTL (1/6 số HS trong lớp) :** Thực hiện như tiết 1.

**3. Bài tập 2 (Đặt câu với những từ ngữ thích hợp để nhận xét về các nhân vật.)**

- HS đọc yêu cầu của bài, làm bài vào vở hoặc VBT (nếu có).
- HS tiếp nối nhau đọc những câu văn đã đặt. Cả lớp và GV nhận xét.

VD : a) Nguyễn Hiền rất có chí. / Nguyễn Hiền đã thành đạt nhờ thông minh và ý chí vượt khó rất cao. / Nhờ thông minh, ham học và có chí, Nguyễn Hiền đã trở thành Trạng nguyên trẻ nhất nước ta. / ...

b) Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi kiên nhẫn, khổ công luyện vẽ mới thành tài. / Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành danh họa nổi tiếng thế giới nhờ thiên tài và khổ công rèn luyện. /...

c) Xi-ôn-cốp-xki là người tài giỏi, kiên trì hiếm có. / Xi-ôn-cốp-xki đã đạt được ước mơ từ thuở nhỏ nhờ tài năng và nghị lực phi thường./...

d) Cao Bá Quát rất kì công luyện viết chữ. / Nhờ khổ công luyện tập, từ một người viết chữ rất xấu, Cao Bá Quát nổi danh là người viết chữ đẹp.

e) Bạch Thái Bưởi là nhà kinh doanh tài ba, chí lớn. / Bạch Thái Bưởi đã trở thành anh hùng kinh tế nhờ tài năng kinh doanh và ý chí vươn lên, thất bại không nản. / ...

**4. Bài tập 3 (Chọn những thành ngữ, tục ngữ thích hợp để khuyến khích hoặc khuyên nhủ bạn).**

- HS đọc yêu cầu của bài tập.
- GV nhắc các em xem lại bài TĐ *Có chí thì nên*, nhớ lại các thành ngữ, tục ngữ đã học, đã biết.

– HS viết nhanh vào vở những thành ngữ, tục ngữ thích hợp để khuyến khích, khuyên nhủ bạn phù hợp với từng tình huống. GV phát phiếu làm bài cho một vài HS.

– Những HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung, kết luận về lời giải đúng :

a) Nếu bạn em có quyết tâm học tập, rèn luyện cao ?	– <i>Có chí thì nên.</i> – <i>Có công mài sắt, có ngày nên kim.</i> – <i>Người có chí thì nên</i> <i>Nhà có nền thì vững.</i>
b) Nếu bạn em nản lòng khi gặp khó khăn ?	– <i>Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo.</i> – <i>Lửa thử vàng, gian nan thử sức.</i> – <i>Thất bại là mẹ thành công.</i> – <i>Thua keo này, bày keo khác.</i>
c) Nếu bạn em dễ thay đổi ý định theo người khác ?	– <i>Ai ơi đã quyết thì hành</i> <i>Đã đan thì lận tròn vành mới thôi !</i> – <i>Hãy lo bền chí câu cua</i> <i>Dù ai câu chạch, câu rùa mặc ai !</i>

### 5. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn những em chưa có điểm kiểm tra đọc hoặc kiểm tra chưa đạt yêu cầu về nhà tiếp tục luyện đọc.

## Tiết 3

### I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và HTL (Yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện về các kiểu mở bài và kết bài trong văn kể chuyện.

### II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài tập đọc và HTL (như tiết 1).
- Bảng phụ (hoặc giấy) viết sẵn nội dung cần ghi nhớ về 2 cách mở bài (trực tiếp và gián tiếp – SGK, tr.113), hai cách kết bài (mở rộng và không mở rộng – SGK, tr.122).

### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. **Giới thiệu bài :** GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.
2. **Kiểm tra TĐ và HTL** (1/6 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.
3. **Bài tập 2** (Viết 1 mở bài theo kiểu gián tiếp, 1 kết bài theo kiểu mở rộng cho đề TLV "Kể chuyện ông Nguyễn Hiền".)
  - Một HS đọc yêu cầu của đề.

- Cả lớp đọc thầm truyện *Ông Trọng thả diều* (SGK, tr.104).
- Một HS đọc thành tiếng nội dung cần ghi nhớ về 2 cách mở bài trên bảng phụ hoặc trong SGK (trang 112) :

Mở bài trực tiếp	kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện.
Mở bài gián tiếp	nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể.

- Một HS đọc thành tiếng nội dung cần ghi nhớ về 2 cách kết bài trên bảng phụ hoặc trong SGK (trang 122) :

Kết bài mở rộng	sau khi cho biết kết cục của câu chuyện, có lời bình luận thêm về câu chuyện
Kết bài không mở rộng	chỉ cho biết kết cục của câu chuyện, không bình luận gì thêm.

- HS làm việc cá nhân : mỗi em viết phần mở bài gián tiếp, phần kết bài mở rộng cho câu chuyện về ông Nguyễn Hiền.

- Lần lượt từng HS tiếp nối nhau đọc các mở bài. Cả lớp và GV nhận xét. Tương tự như thế với các kết bài. VD :

a) Một mở bài kiểu gián tiếp	Nước ta có những thần đồng bộc lộ tài năng từ nhỏ. Đó là trường hợp chú bé Nguyễn Hiền. Nguyễn Hiền nhà nghèo, phải bỏ học nhưng vì có ý chí vươn lên, đã tự học và đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi. Câu chuyện xảy ra vào đời vua Trần Thái Tông...
b) Một kết bài kiểu mở rộng	Câu chuyện về vị Trạng nguyên trẻ nhất nước Nam làm em càng thấm thía hơn những lời khuyên của người xưa : Có chí thì nên, Có công mài sắt, có ngày nên kim.

#### 4. Củng cố, dặn dò

- GV nhận xét tiết học.
- Yêu cầu HS ghi nhớ những nội dung vừa học (BT2) ; về nhà hoàn chỉnh phần mở bài, kết bài, viết lại vào vở.

### Tiết 4

#### I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm TĐ và HTL (Yêu cầu như tiết 1).
2. Nghe – viết đúng chính tả, trình bày đúng bài thơ *Đôi que đan*.

#### II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Phiếu viết tên từng bài TĐ và HTL (Như tiết 1).

#### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.
2. Kiểm tra TĐ và HTL (1/6 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.

### 3. Bài tập 2 (Nghe – viết : Đôi que đan)

- GV đọc toàn bài thơ *Đôi que đan*. HS theo dõi trong SGK.
- HS đọc thầm bài thơ, chú ý những từ ngữ dễ viết sai. GV hỏi HS về nội dung bài thơ. (Hai chị em bạn nhỏ tập đan. Từ hai bàn tay của chị của em, những mũ, khăn, áo của bà, của bé, của mẹ cha dần dần hiện ra.)
- HS gấp SGK. GV đọc từng câu hoặc từng bộ phận ngắn trong câu cho HS viết.
- GV đọc lại bài chính tả 1 lượt cho HS soát lại bài. Chấm chữa bài.

### 4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn những HS chưa có điểm kiểm tra về nhà tiếp tục luyện đọc ; HTL bài thơ *Đôi que đan*.

## Tiết 5

### I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm TĐ và HTL (Yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ. Biết đặt câu hỏi cho các bộ phận của câu.

### II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài TĐ và HTL (Như tiết 1).
- Một số tờ phiếu khổ to kẻ 2 bảng để HS làm BT2.

### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. **Giới thiệu bài :** GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.

2. **Kiểm tra TĐ và HTL** (1/6 số HS trong lớp) : Thực hiện như tiết 1.

3. **Bài tập 2** (Tìm danh từ, động từ, tính từ trong các câu văn đã cho. Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu in đậm.)

– HS đọc yêu cầu của bài, làm bài vào vở hoặc VBT. GV phát phiếu cho một số HS.

– HS phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét. GV mời những HS làm bài trên phiếu có lời giải đúng trình bày kết quả, chốt lại lời giải :

a) Các danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn :

- |           |   |
|-----------|---|
| – Danh từ | <i>buổi, chiều, xe, thị trấn, nắng, phố, huyện, em bé, mắt, mí, cổ, móng, hổ, quần áo, sân, Hmông, Tu Dí, Phù Lá.</i> |
| – Động từ | <i>dừng lại, chơi đùa, đeo</i>  |
| – Tính từ | <i>nhỏ, vàng hoe, sặc sỡ</i>  |

b) Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm :

– *Buổi chiều, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ.*

→ *Buổi chiều, xe làm gì ?*

– *Nắng phố huyện vàng hoe.*

→ *Nắng phố huyện thế nào ?*

– *Những em bé Hmóng mắt một mí, những em bé Tu Dí, Phù Lá cổ đeo móng hổ, quần áo sặc sỡ đang chơi đùa trước sân.*

→ *Ai đang chơi đùa trước sân ?*

#### 4. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS ghi nhớ những kiến thức vừa ôn luyện ở BT2.

## Tiết 6

### I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục kiểm tra lấy điểm TĐ và HTL (Yêu cầu như tiết 1).
2. Ôn luyện về văn miêu tả đồ vật : quan sát 1 đồ vật, chuyển kết quả quan sát thành dàn ý. Viết mở bài kiểu gián tiếp và kết bài kiểu mở rộng cho bài văn.

### II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Phiếu viết tên từng bài TĐ và HTL (Như tiết 1).
- Bảng phụ (hoặc giấy khổ to) viết sẵn nội dung cần ghi nhớ khi viết bài văn miêu tả đồ vật (SGK, tr.145, 70).
- Một số tờ giấy khổ to để HS lập dàn ý cho BT2a.

### III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. **Giới thiệu bài :** GV nêu MĐ, YC của tiết ôn tập.
2. **Kiểm tra TĐ và HTL** (số HS còn lại) : Thực hiện như tiết 1.
3. **Bài tập 2**  
HS đọc yêu cầu của bài tập. GV hướng dẫn HS thực hiện từng yêu cầu :  
*a) Quan sát một đồ dùng học tập, chuyển kết quả quan sát thành dàn ý*
  - HS xác định yêu cầu của đề : đây là bài văn dạng miêu tả đồ vật (đồ dùng học tập) – rất cụ thể của em.
  - Một HS đọc lại nội dung cần ghi nhớ về bài văn miêu tả đồ vật trên bảng phụ, hoặc trong SGK (tr.145, 70).
  - HS chọn một đồ dùng học tập để quan sát.



– Từng HS quan sát đồ dùng học tập của mình, ghi kết quả quan sát vào vở nháp, sau đó chuyển thành dàn ý.

– HS phát biểu ý kiến. Một số em trình bày dàn ý của mình trên bảng lớp. Cả lớp và GV nhận xét, giữ lại dàn ý tốt nhất, xem như là mẫu nhưng không bắt buộc mọi HS phải cứng nhắc theo.

Ví dụ về dàn ý bài văn miêu tả cái bút :

– Mở bài	Giới thiệu cây bút quý do ông em tặng nhân ngày sinh nhật.
– Thân bài	– Tả bao quát bên ngoài : + Hình dáng thon, mảnh, vát lên ở cuối như đuôi máy bay. + Chất liệu gỗ, rất thơm, chắc tay. + Màu nâu đen, không lẫn với bút của ai. + Nắp bút cũng bằng gỗ, đậy rất kín. + Hoa văn trang trí là hình những chiếc lá tre. + Cái cài bằng thép trắng.  – Tả bên trong : + Ngòi bút rất thanh, sáng loáng. + Nét bút thanh, đậm...
– Kết bài	Em giữ gìn cây bút rất cẩn thận, không bao giờ quên đậy nắp, không bao giờ bỏ quên bút. Em luôn cảm thấy như có ông em ở bên mình mỗi khi dùng cây bút.

*b) Viết phần mở bài kiểu gián tiếp, kết bài kiểu mở rộng*

HS viết bài. Lần lượt từng em tiếp nối nhau đọc các mở bài. Cả lớp và GV nhận xét, khen ngợi những HS viết mở bài hay. Tương tự như thế với các kết bài.

VD :

a) Một mở bài kiểu gián tiếp :	Sách, vở, bút, giấy, mực, thước kẻ... là những người bạn giúp ta trong học tập. Trong những người bạn ấy, tôi muốn kể về cây bút thân thiết, máy năm nay chưa bao giờ rời xa tôi.
b) Một kết bài kiểu mở rộng :	Cây bút này gắn bó với kỉ niệm về ông tôi, về những ngày ngồi trên ghế nhà trường tiểu học. Có lẽ rồi cây bút sẽ hỏng, tôi sẽ phải dùng nhiều cây bút khác nhưng cây bút này tôi sẽ cất trong hộp, giữ mãi như một kỉ niệm tuổi thơ.

#### **4. Củng cố, dặn dò**

– GV nhận xét tiết học.

– Yêu cầu HS ghi nhớ những nội dung vừa học (BT2) ; về nhà sửa lại dàn ý, hoàn chỉnh phần mở bài, kết bài, viết lại vào vở.

## Tiết 7

### Kiểm tra

#### ĐỌC – HIỂU, LUYỆN TỪ VÀ CÂU

(Thời gian làm bài khoảng 30 phút)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 7), các địa phương tự ra đề kiểm tra Đọc – hiểu, Luyện từ và câu theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Gợi ý :

– Văn bản có độ dài khoảng 200 chữ. Chọn văn bản ngoài SGK phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của HS lớp 4.

– Phần câu hỏi và bài tập không dưới 8 câu (ra đề kiểu trắc nghiệm lựa chọn), trong đó có khoảng 4 câu kiểm tra sự hiểu bài và 4 câu kiểm tra về từ và câu (gắn với những kiến thức đã học).

– Thời gian làm bài khoảng 30 phút (không kể thời gian giao đề và giải thích đề). Các bước tiến hành như sau :

+ GV phát đề kiểm tra cho từng HS (Riêng những vùng khó khăn không có điều kiện phô tô đề, GV chép sẵn đề kiểm tra lên bảng hoặc viết ra giấy khổ to, dán lên bảng).

+ GV hướng dẫn HS nắm vững yêu cầu của bài, cách làm bài (chọn ý đúng / ý đúng nhất hoặc đánh dấu X vào ô trống trước câu trả lời đúng / đúng nhất). VD : Trong BÀI LUYỆN TẬP ở tiết 7 (văn bản *Về thăm bà*), có hai yêu cầu :

• Với các câu 1, 2, 3, 4 (ở yêu cầu B), HS phải chọn trong các phương án trả lời **đúng** – một phương án **đúng nhất** (bằng cách khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời **đúng nhất** hoặc đánh dấu X vào ô trống).

• Với các câu 1, 2, 3, 4 (ở yêu cầu C), HS phải chọn trong các phương án trả lời có **cả ý đúng lẫn ý sai** – một phương án **duy nhất đúng** (bằng cách khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời **duy nhất đúng** hoặc đánh dấu X vào ô trống). (Câu C.1, yêu cầu HS tìm trong truyện *Về thăm bà*... những từ cùng nghĩa với từ *hiển*.)

+ HS đọc thật kĩ bài văn, thơ trong khoảng thời gian 15 phút. (GV nhắc HS không được chú quan vì đọc không kĩ văn bản thì rất dễ giải bài tập sai.)

+ HS khoanh tròn chữ cái trước ý **đúng nhất / đúng** (hoặc đánh dấu X vào ô trống) trong giấy kiểm tra để trả lời câu hỏi. GV nhắc HS : Lúc đầu tạm đánh dấu X vào ô trống bằng bút chì. Làm bài xong, kiểm tra lại kết quả bằng cách đọc kĩ lại bài văn (thơ), rà soát lời giải, cuối cùng, chính thức đánh dấu X vào ô trống bằng bút mực.

Ở những nơi không có điều kiện phô tô để cho từng HS, HS chỉ cần ghi vào giấy kiểm tra số thứ tự câu hỏi và kí hiệu a, b, c để trả lời. VD : Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong bài luyện tập tiết 7 (SGK) :

B – Câu trả lời **đúng nhất** :

Câu 1 : ý c (Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, lưng đã còng.)

Câu 2 : ý a (Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, giục cháu vào nhà cho khỏi nắng, giục cháu đi rửa mặt rồi nghỉ ngơi.)

Câu 3 : ý c (Có cảm giác thông thả, bình yên, được bà che chở.)

Câu 4 : ý c (Vì Thanh sống với bà từ nhỏ, luôn yêu mến, tin cậy bà và được bà săn sóc, yêu thương.)

C – Câu trả lời **đúng** :

Câu 1 : ý b (*Hiên từ, hiên lành.*)

Câu 2 : ý b (Hai động từ [*trở về, thấy*], hai tính từ [*bình yên, thông thả*].)

Câu 3 : ý c (*Dùng thay lời chào.*)

Câu 4 : ý b (*Sự yên lặng.*)

## Tiết 8

### Kiểm tra

### CHÍNH TẢ – TẬP LÀM VĂN

(Thời gian làm bài khoảng 40 phút)

Dựa theo đề luyện tập in trong SGK (tiết 8), các địa phương có thể tự ra đề kiểm tra Chính tả, Tập làm văn theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**1. Chính tả** : chọn một đoạn văn xuôi hoặc thơ có độ dài khoảng 70 chữ, viết trong thời gian khoảng 10 phút. Chọn văn bản ngoài SGK phù hợp với các chủ điểm đã học và với trình độ của HS lớp 4.

**2. Tập làm văn** : HS viết một đoạn văn tả đồ vật, đồ chơi (khoảng 10 câu).

Thời gian làm bài : 30 phút.

**Chú ý** : Các điểm kiểm tra Đọc thành tiếng, Học thuộc lòng, Đọc – hiểu và Luyện từ và câu, Chính tả và Tập làm văn được tính theo quy định của Vụ Giáo dục Tiểu học.

## Hình thức chế bản đề kiểm tra (phô tô phát cho từng HS)

Họ và tên : .....

Lớp : 4.....

Ngày ... tháng ... năm 200...

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

### **BÀI KIỂM TRA ĐỌC**

(30 PHÚT)

#### **A – ĐỌC THẨM**

##### **Về thăm bà**

Thanh bước lên thềm, nhìn vào trong nhà. Cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi. Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ :

– Bà ơi !

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư ?

Bà thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu, âu yếm và mến thương :

– Đi vào trong nhà kéo nắng, cháu !

Thanh đi, người thẳng, mạnh, cạnh bà lưng đã còng. Tuy vậy, Thanh cảm thấy chính bà che chở cho mình như những ngày còn nhỏ.

Bà nhìn cháu, giục :

– Cháu rửa mặt rồi đi nghỉ đi !

Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành. Ở đấy, bà lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu Thanh.

*Theo THẠCH LAM*

**B – Dựa vào nội dung bài đọc, đánh dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng nhất**

1. Những chi tiết liệt kê trong dòng nào cho thấy bà của Thanh đã già ?

- Tóc bạc phơ, miệng nhai trầu, đôi mắt hiền từ.
- Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, đôi mắt hiền từ.
- Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, lưng đã còng.

2. Tập hợp nào dưới đây liệt kê đầy đủ các chi tiết nói lên tình cảm của bà đối với Thanh ?

- Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mếu thương, giục cháu vào nhà cho khỏi nắng, giục cháu đi rửa mặt rồi nghỉ ngơi.
- Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mếu thương.
- Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mếu thương, che chở cho cháu.

3. Thanh có cảm giác như thế nào khi trở về ngôi nhà của bà ?

- Có cảm giác thông thả, bình yên.
- Có cảm giác được bà che chở.
- Có cảm giác thông thả, bình yên, được bà che chở.

4. Vì sao Thanh cảm thấy chính bà đang che chở cho mình ?

- Vì Thanh luôn yêu mến, tin cậy bà.
- Vì Thanh là khách của bà, được bà chăm sóc, yêu thương.
- Vì Thanh sống với bà từ nhỏ, luôn yêu mến, tin cậy bà và được bà săn sóc, yêu thương.

**C – Dựa vào nội dung bài đọc, đánh dấu x vào ô trống trước câu trả lời đúng**

1. Tìm trong truyện **Về thăm bà** những từ cùng nghĩa với từ **hiền**.

- Hiền hậu, hiền lành.
- Hiền từ, hiền lành.
- Hiền từ, âu yếm.

2. Câu **Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế** có mấy động từ, mấy tính từ ?

Một động từ, hai tính từ. Các từ đó là :

– Động từ :

– Tính từ :

Hai động từ, hai tính từ. Các từ đó là :

– Động từ :

– Tính từ :

Hai động từ, một tính từ. Các từ đó là :

– Động từ :

– Tính từ :

3. Câu **Cháu đã về đấy ư ?** được dùng làm gì ?

Dùng để hỏi.

Dùng để yêu cầu, đề nghị.

Dùng thay lời chào.

4. Trong câu **Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ**, bộ phận nào là chủ ngữ ?

Thanh

Sự yên lặng

Sự yên lặng làm Thanh